

Bản án số: 376/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2020

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng
2. Bà Nguyễn Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Gia Phước – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm Sát Viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1134/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2019 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản hoà giải, nguyên đơn bà A trình bày:

Bà và ông B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 167/TP/2007 quyền số 01 ngày 26/11/2007. Quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung là C, sinh ngày 10/02/2009.

Từ lúc kết hôn đến nay bà không nhận thấy sự hòa hợp, yêu thương đối với chồng. Ông B không phụ giúp bà tiền sinh hoạt trong gia đình. Vợ chồng không chia sẻ được những khó khăn, mệt mỏi trong cuộc sống. Bà và ông B đã ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Bà đã nhiều lần muốn hàn gắn nhưng không thành. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà yêu cầu được giữ nuôi con chung là trẻ C, sinh ngày 10/02/2009. Bà yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai và các buổi hoà giải tại tòa án, bị đơn ông B trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà A về quan hệ hôn nhân và con chung. Quá trình chung sống thì vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng và có thể hàn gắn. Ông không đồng ý ly hôn. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà A phải cấp dưỡng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn – bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông B và cho bà được nuôi con chung.

Bị đơn ông B không đồng ý ly hôn vì cho rằng tình cảm của ông với bà A vẫn còn khả năng hàn gắn. Nếu phải ly hôn và không được nuôi con thì ông chỉ có khả năng cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Bà A đồng ý và chỉ yêu cầu ông B cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông B có địa chỉ tại Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 167/TP/2007 quyển số 01 ngày 26/11/2007 của Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện quá trình chung sống vợ chồng ông B và bà A có phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân từ tháng 7/2018 đến nay là gần 02 năm. Từ khi ly thân đến nay, ông B và bà A đã có nhiều biện pháp nhằm hàn gắn tình cảm, gia đình hai bên cũng đã khuyên nhủ nhưng không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa bà A khẳng định mâu thuẫn hai bên đã đến mức trầm trọng không còn khả năng hàn gắn nên nhất quyết yêu cầu được ly hôn với ông B để có điều kiện toàn tâm toàn ý chăm sóc con và làm việc. Ông B cho rằng hai bên còn có thể hàn gắn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để có thể hàn gắn tình cảm hai bên.

Xét thấy tình cảm giữa ông B và bà A đã không còn, tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông B.

[3] Về con chung:

Căn cứ giấy khai sinh số 54/TP/2009 quyển số 1 do Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 26/02/2009 mang tên trẻ C sinh ngày 10/02/2009 có cha là ông B và mẹ là bà A.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà A yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ C và yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*”

Tại khoản 1 Điều 69 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*...Cha, mẹ có nghĩa vụ thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển...*”

Tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên....*”

Căn cứ vào các quy định của pháp luật đã nêu trên thì bà A là người phù hợp nhất để nuôi cháu C, bởi lẽ bà A là người gần gũi và có đủ điều kiện chăm sóc con trẻ, trẻ còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A về việc giao cháu C cho bà A nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, ông B và bà A cũng thống nhất về mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A, buộc ông B phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ C đủ 18 tuổi .

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 khi có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại điểm a, khoản 5 và điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì Bà A và ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 69; Điều 71; Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A.

- Về hôn nhân: Bà A được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Giao 01 con chung là trẻ C, sinh ngày 10/02/2009 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ C đủ 18 tuổi.

Ông B được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai có quyền cản trở ông B thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp giữ nuôi hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0014810 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3 là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bà A và ông B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q3, TP.HCM;
- Chi cục THA Dân sự Q3;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Duy

- Về con chung: Giao 01 con chung là trẻ C, sinh ngày 10/02/2009 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng.

Ông B được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai có quyền cản trở ông B thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp giữ nuôi hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0014810 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3 là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bà A và ông B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA